



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 - 33
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 308.391.170.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;	Bỏ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	Bỏ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Phạm Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc;	Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2014
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2014
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu



Số: 06.../2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
 Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
 Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
 Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
 Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
 Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		962.820.604.878	266.583.400.633
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	37.341.062.398	21.627.433.510
1.	Tiền	111		37.341.062.398	5.627.433.510
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	16.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	12.168.000.000	14.545.497.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		12.168.000.000	14.545.497.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.955.529.432	18.188.750.516
1.	Phải thu khách hàng	131		26.704.777.113	13.915.849.337
2.	Trả trước cho người bán	132		14.749.574.798	1.813.898.307
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	7.859.687.377	2.816.825.496
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(358.509.856)	(357.822.624)
IV.	Hàng tồn kho	140		798.522.224.927	203.547.182.694
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	798.522.224.927	203.547.182.694
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		65.833.788.121	8.674.536.913
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.123.983.253	732.574.416
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.143.110.736	115.315.067
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	5.218.051.977	2.849.213.818
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	14.348.642.155	4.977.433.612

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		222.801.296.588	225.975.696.864
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II.	Tài sản cố định	220		172.265.269.333	176.322.588.619
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	28.281.801.110	30.936.141.775
	- Nguyên giá	222		120.702.446.343	120.294.176.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(92.420.645.233)	(89.358.034.568)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.026.750	27.339.750
	- Nguyên giá	228		88.939.000	88.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(72.912.250)	(61.599.250)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	143.967.441.473	145.359.107.094
III.	Bất động sản đầu tư	240		0	0
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.623.294.176	32.623.123.776
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.10	32.622.842.976	32.622.842.976
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.073.530	1.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.12	(622.330)	(792.730)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		17.912.733.079	17.029.984.469
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	17.912.733.079	17.029.984.469
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.185.621.901.466	492.559.097.497

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		874.264.474.362	174.492.666.670
I.	Nợ ngắn hạn	310		864.254.074.362	165.497.266.670
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	268.219.064.555	83.436.734.974
2.	Phải trả người bán	312	V.15	547.551.199.698	60.843.087.076
3.	Người mua trả tiền trước	313		31.447.400.979	9.098.943.915
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.579.727.395	2.370.490.691
5.	Phải trả người lao động	315		2.569.954.000	1.120.838.784
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	1.509.471.095	2.417.029.392
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.968.016.952	6.202.609.824
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		409.239.688	7.532.014
II.	Nợ dài hạn	330		10.010.400.000	8.995.400.000
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	10.010.400.000	7.610.400.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	1.385.000.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311.357.427.104	318.066.430.827
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	311.357.427.104	318.066.430.827
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.500	24.249.537.500
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.023.506.109	616.798.435
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		406.707.674	0
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.373.079.081	16.895.498.152
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.185.621.901.466	492.559.097.497

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.169.734.400	11.169.734.400
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.378,01	677,80
	EUR		76,07	84,51
	JPY		0	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.313.595.746.872	492.733.846.767
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	31.363.636	44.771.363.631
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.313.564.383.236	447.962.483.136
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.162.572.939.853	398.264.842.625
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.991.443.383	49.697.640.511
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	4.206.539.520	9.726.798.355
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	23.925.495.871	9.850.084.158
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.738.974.874	8.454.240.800
8.	Chi phí bán hàng	24		20.232.793.717	20.191.346.679
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.564.173.547	24.440.724.271
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.475.519.768	4.942.283.758
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	6.720.774.684	145.792.034
12.	Chi phí khác	32	VI.08	10.653.430.055	301.026.858
13.	Lợi nhuận khác	40		(3.932.655.371)	(155.234.824)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.542.864.397	4.787.048.934
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	16.051.941.846	1.113.008.340
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	0	(393.036.150)
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		62.490.922.551	4.067.076.744

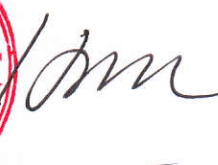
Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.350.620.877.410	526.810.033.847
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.213.530.078.847)	(398.089.305.120)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(37.693.479.600)	(19.944.514.284)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.154.262.941)	(14.693.839.152)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(11.086.898.608)	0
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.008.047.359	30.629.344.323
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(195.158.615.768)	(27.979.070.993)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(105.994.410.995)	96.732.648.621
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(271.171.615)	(3.834.061.858)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	58.464.317.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.138.000.000)	(24.103.122.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.515.497.000	20.382.718.273
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(16.372.847.976)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.395.201.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.612.085.277	3.123.672.254
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.718.410.662	39.055.876.693

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.259.567.062.033	383.311.846.309
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.074.784.732.452)	(508.173.527.190)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.793.218.600)	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		115.989.110.981	(124.861.680.881)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.713.110.648	10.926.844.433
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		21.627.433.510	10.700.257.934
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		518.240	331.143
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		37.341.062.398	21.627.433.510

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang



Ngô Văn Hân




Bùi Văn Hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và bổ sung từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	14.823.332.399	72.192.799
- Tiền gửi ngân hàng	22.517.729.999	5.555.240.711
- Các khoản tương đương tiền	0	16.000.000.000
Cộng	37.341.062.398	21.627.433.510

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư ngắn hạn	12.168.000.000	14.545.497.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	12.168.000.000	14.545.497.000
+ Cho cán bộ công nhân viên vay(*)	8.548.000.000	14.545.497.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	3.620.000.000	0
b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	12.168.000.000	14.545.497.000

(*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	7.859.687.377	2.816.825.496
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay	293.525.000	702.124.304
+ Phải thu về tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	555.490.720	0
+ Phải thu về tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	1.635.000.000	0
+ Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	0	217.069.493
+ Các khoản phải thu khác	5.375.671.657	1.897.631.699
Cộng	7.859.687.377	2.816.825.496

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	24.920.863.316	8.545.000
- Nguyên liệu, vật liệu	170.380.096.773	30.545.473.373
- Công cụ, dụng cụ	14.500.000	14.500.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	107.864.851.522	44.378.741.297
- Thành phẩm	118.626.698.796	22.294.420.205
- Hàng hoá	181.534.832.710	7.564.288.574
- Hàng gửi đi bán	195.180.381.810	98.741.214.245
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	798.522.224.927	203.547.182.694

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	28.720.099
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	63.796.664
- Thuế xuất, nhập khẩu	5.089.673.128	1.957.473.858
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	747.768.013
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	64.582.185	51.455.184
Cộng	5.218.051.977	2.849.213.818

06. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	488.086.286	488.086.286
- Tạm ứng	2.831.518.295	4.107.244.067
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.029.037.574	382.103.259
Cộng	14.348.642.155	4.977.433.612

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	70.242.258.201	32.823.237.146	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	120.294.176.343
- Mua trong năm	0	408.270.000	0	0	0	408.270.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0	0
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	70.242.258.201	33.231.507.146	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	120.702.446.343
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39.960.511.814	32.289.853.202	11.862.227.046	1.197.261.778	4.048.180.728	89.358.034.568
- Khấu hao trong năm	2.723.607.441	217.991.780	119.993.982	1.017.462	0	3.062.610.665
- Tặng khác	0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm	42.684.119.255	32.507.844.982	11.982.221.028	1.198.279.240	4.048.180.728	92.420.645.233
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	30.281.746.387	533.383.944	119.993.982	1.017.462	0	30.936.141.775
2. Tại ngày cuối năm	27.558.138.946	723.662.164	0	0	0	28.281.801.110

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 70.106.823.353 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 14.848.796.563 đồng và 4.182.987.523 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	88.939.000	88.939.000
- Mua trong năm	0	0
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
Số dư cuối năm	88.939.000	88.939.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	61.599.250	61.599.250
- Khấu hao trong năm	11.313.000	11.313.000
- Tăng khác	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
- Giảm khác	0	0
Số dư cuối năm	72.912.250	72.912.250
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	27.339.750	27.339.750
2. Tại ngày cuối năm	16.026.750	16.026.750

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	143.967.441.473	145.359.107.094
Cộng	143.967.441.473	145.359.107.094

10. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (*)	1.476.041	16.249.995.000	1.083.333	16.249.995.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 (**)	655.602	16.372.847.976	655.602	16.372.847.976
Cộng		32.622.842.976		32.622.842.976

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 với tỷ lệ sở hữu vốn là 54,17%. Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 đã phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, số cổ phần Công ty Cổ phần Ô tô TMT được tặng thêm là 392.708 cổ phần.

(**): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4 với tỷ lệ sở hữu vốn là 68,11%.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		1.073.530		1.073.530
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
Cộng		1.073.530		1.073.530

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(622.330)	(792.730)
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(335.800)	(501.400)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(286.530)	(291.330)
Cộng	(622.330)	(792.730)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.911.880.665	334.457.504
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	15.365.126.135	15.758.346.227
- Chi phí trả trước dài hạn khác	635.726.279	937.180.738
Cộng	17.912.733.079	17.029.984.469

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	268.219.064.555	83.436.734.974
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>268.219.064.555</i>	<i>83.436.734.974</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(a)	85.608.368.779	63.304.881.963
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	181.369.844.392	20.131.853.011
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(c)	1.240.851.384	0
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Cộng	268.219.064.555	83.436.734.974

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 7%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, đất và tài sản trên đất tại lô đất 1.300m² tại Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.

(c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả người bán trong nước	39.737.894.630	22.962.224.735
- Phải trả người bán nước ngoài	507.813.305.068	37.880.862.341
Cộng	547.551.199.698	60.843.087.076

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	0	2.357.769.080
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.217.275.225	0
- Thuế thu nhập cá nhân	1.362.452.170	12.721.611
Cộng	5.579.727.395	2.370.490.691

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	0	1.377.504.392
- Chi phí vận chuyển	906.110.951	0
- Khác	603.360.144	1.039.525.000
Cộng	1.509.471.095	2.417.029.392

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	3.595.623.998	3.511.744.419
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	27.035.608	63.034.583
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.345.357.346	1.519.830.822
Cộng	6.968.016.952	6.202.609.824

19. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000.000	7.600.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	10.010.400.000	7.610.400.000

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ dài hạn	0	1.385.000.000
- Nợ thuê tài chính	0	0
- Nợ dài hạn khác	0	1.385.000.000
Cộng	0	1.385.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	284.502.360.000	24.249.537.500	483.226.387	(8.680.989.647)	616.798.435	0	12.828.421.408	313.999.354.083
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	4.067.076.744	4.067.076.744
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	284.502.360.000	24.249.537.500	483.226.387	(8.680.989.647)	616.798.435	0	16.895.498.152	318.066.430.827
Số dư đầu năm nay	284.502.360.000	24.249.537.500	483.226.387	(8.680.989.647)	616.798.435	0	16.895.498.152	318.066.430.827
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong năm nay	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	0	0	62.490.922.551	62.490.922.551
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	406.707.674	406.707.674	(70.013.341.622)	(69.199.926.274)
Giảm vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm nay	308.391.170.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	1.023.506.109	406.707.674	9.373.079.081	311.357.427.104

24 TR
CÔ
CÔ
T
O
C
O
120
CHI
NG
CHV
CHIN
KI
NAM
Y

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	66.501.720.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	241.889.450.000	223.221.740.000
Cộng	308.391.170.000	284.502.360.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 409.700 cổ phiếu.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.888.810.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	308.391.170.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.793.218.600	0

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2013 là 05% và chi tạm ứng cổ tức năm 2014 là 18%.

e. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	260.083.867.176	1.853.926.073
- Doanh thu bán thành phẩm	1.045.219.634.241	490.857.545.321
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	22.375.373
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
Cộng	1.313.595.746.872	492.733.846.767

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	31.363.636	386.818.178
- Hàng bán bị trả lại	0	44.384.545.453
Cộng	31.363.636	44.771.363.631

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	260.083.867.176	1.853.926.073
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.045.188.270.605	446.086.181.690
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		22.375.373
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
Cộng	1.313.564.383.236	447.962.483.136

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	242.790.904.356	1.548.973.086
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	913.507.683.217	396.715.869.539
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	6.274.352.280	0
Cộng	1.162.572.939.853	398.264.842.625

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.336.819.573	1.727.754.401
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.422.157.120	866.684.400
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	403.130.225	8.494.273
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	231.566.972
- Lãi bán hàng trả chậm	44.432.602	0
- Lãi tương ứng với tiền thuê đất trả trước được tính Hưng Yên hoàn trả do không thực hiện hợp đồng thuê đất	0	6.892.298.309
Cộng	4.206.539.520	9.726.798.355

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.738.974.874	8.454.240.800
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.350.033.000	776.081.279
- Lỗ do bán chứng khoán	0	1.690.265.613
- Lỗ do giải thể công ty con	222.794.993	0
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.297.637.749	818.056.277
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	259.693.951	45.934.398
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(170.400)	(1.937.982.213)
- Chi phí tài chính khác	56.531.704	3.488.004
Cộng	23.925.495.871	9.850.084.158

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu hoàn thuế nhập khẩu đã nộp	6.556.796.356	0
- Thu nhập khác	163.978.328	145.792.034
Cộng	<u>6.720.774.684</u>	<u>145.792.034</u>

08. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế nhập khẩu truy nộp	10.564.025.457	0
- Chi phạt do thanh lý hợp đồng	0	46.825.200
- Chi phí khác	89.404.598	254.201.658
Cộng	<u>10.653.430.055</u>	<u>301.026.858</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.051.941.846	1.113.008.340
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>16.051.941.846</u>	<u>1.113.008.340</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	(393.036.150)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>0</u>	<u>(393.036.150)</u>

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.101.862.655.580	367.583.502.387
- Chi phí nhân công	36.835.814.760	25.357.934.820
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.073.923.665	5.094.200.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.208.434.575	28.814.529.380
- Chi phí khác bằng tiền	15.502.927.432	6.848.780.621
Cộng	<u>1.186.483.756.012</u>	<u>433.698.947.908</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	137.098.385	0
- Tặng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	23.888.810.000	0

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	2.612.542.900	1.762.585.900

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	
- Mua nguyên vật liệu	6.597.846.119
- Thầu phụ hợp đồng xây dựng	6.274.352.280
- Bán hàng hóa	564.704.463
- Góp vốn kinh doanh kinh doanh	3.395.000.000
- Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	555.490.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	
Mua hàng hóa	42.329.545.432
Chiết khấu thanh toán bán hàng	284.655.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 vận chuyển hàng cho Công ty Cổ phần Ô tô TMT	5.686.941.811
Nhận cổ tức	866.666.400

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	
+ Phải thu khách hàng	621.174.909
+ Các khoản phải thu khác	2.190.490.720
+ Trả trước cho người bán	8.335.212.492
Cộng nợ phải thu	11.146.878.121
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	
+ Phải trả người bán	532.099.982
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	34.440.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	
+ Người mua trả tiền trước	754.700.281
+ Phải trả người bán	692.659.389
+ Phải trả dài hạn khác	300.000.000
Cộng nợ phải trả	2.313.899.652

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Xây dựng: Xây dựng công trình giao thông;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Sản xuất	Xây dựng	Thương mại	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.045.188.270.605	8.292.245.455	260.083.867.176	1.313.564.383.236	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	968.127.301.116	6.579.153.148	256.382.409.204	1.231.088.863.468	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	77.060.969.489	1.713.092.307	3.701.457.972	82.475.519.768	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	653.282.998	-	-	653.282.998	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.657.757.350	-	661.354.350	3.319.111.700	
Số dư cuối năm					
- Tài sản thực tiếp của bộ phận	876.937.789.136	8.335.212.492	218.216.543.264	1.103.489.544.892	
- Tài sản không phân bổ				82.132.356.574	
Tổng tài sản	876.937.789.136	8.335.212.492	218.216.543.264	1.185.621.901.466	
- Nợ phải trả bộ phận	691.722.278.139	-	172.930.569.534	864.652.847.673	
- Nợ phải trả không phân bổ				9.611.626.689	
Tổng nợ phải trả	691.722.278.139	-	172.930.569.534	874.264.474.362	

Năm 2013, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, lắp ráp xe ô tô.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.341.062.398	0	21.627.433.510	0	37.341.062.398	21.627.433.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.076.378.204	(358.509.856)	15.929.181.066	(357.822.624)	33.717.868.348	15.571.358.442
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.168.000.000	0	14.545.497.000	0	12.168.000.000	14.545.497.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(622.330)	1.073.530	(792.730)	451.200	280.800
Cộng	83.586.514.132	(359.132.186)	52.103.185.106	(358.615.354)	83.227.381.946	51.744.569.752

Giá trị sổ sách

	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	547.551.199.698	60.843.087.076	547.551.199.698	60.843.087.076
Vay và nợ	268.219.064.555	84.821.734.974	268.219.064.555	84.821.734.974
Chi phí phải trả	1.509.471.095	2.417.029.392	1.509.471.095	2.417.029.392
Các khoản phải trả khác	13.355.757.346	10.238.230.822	13.355.757.346	10.238.230.822
Cộng	830.635.492.694	158.320.082.264	830.635.492.694	158.320.082.264

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

04. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>
Số cuối năm	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.182.987.523
Cộng	4.182.987.523
Số đầu năm	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.237.002.762
- Phương tiện vận tải	26.740.762
Cộng	14.263.743.524

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và cán bộ công nhân viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	547.551.199.698	0	0	547.551.199.698
Vay và nợ	268.219.064.555	0	0	268.219.064.555
Chi phí phải trả	1.509.471.095	0	0	1.509.471.095
Các khoản phải trả khác	3.345.357.346	10.010.400.000	0	13.355.757.346
Cộng	820.625.092.694	10.010.400.000	0	830.635.492.694
Số đầu năm				0
Phải trả cho người bán	60.843.087.076	0	0	60.843.087.076
Vay và nợ	83.436.734.974	1.385.000.000	0	84.821.734.974
Chi phí phải trả	2.417.029.392	0	0	2.417.029.392
Các khoản phải trả khác	2.627.830.822	7.610.400.000	0	10.238.230.822
Cộng	149.324.682.264	8.995.400.000	0	158.320.082.264

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

08. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Xuân Quang

Trưởng phòng tài chính kế toán

Ngô Văn Hân

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

